Số: 576/QĐ-UBND; 06/08/2026; 19:59:10;

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 06/8/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng

TT	Địa phương	Số tiền
	Tổng cộng	**115.687,000**
1	Phường Trương Quang Trọng	1.900,000
2	Phường Cẩm Thành	3.655,000
3	Phường Nghĩa Lộ	5.185,700
4	Xã Tịnh Khê	2.735,233
5	Xã An Phú	1.850,000
6	Phường Trà Câu	5.320,000
7	Phường Đức Phổ	4.323,386
8	Phường Sa Huỳnh	1.697,085
9	Xã Nguyễn Nghiêm	1.479,451
10	Xã Khánh Cường	2.900,673
11	Xã Bình Minh	1.513,000
12	Xã Bình Chương	730,000
13	Xã Bình Sơn	4.930,200
14	Xã Vạn Tường	3.730,708
15	Xã Đông Sơn	5.265,000
16	Xã Trường Giang	3.100,000
17	Xã Ba Gia	2.956,200
18	Xã Sơn Tịnh	4.348,000
19	Xã Thọ Phong	2.034,655
20	Xã Tư Nghĩa	1.000,000
21	Xã Vệ Giang	850,357
22	Xã Nghĩa Giang	1.692,550
23	Xã Trà Giang	4.740,284
24	Xã Đình Cương	2.400,000
25	Xã Thiện Tín	2.740,605
26	Xã Phước Giang	485,000
27	Xã Long Phụng	2.433,481
28	Xã Mỏ Cày	6.240,000
29	Xã Mộ Đức	3.083,400
30	Xã Lân Phong	5.118,760
31	Xã Tây Trà Bồng	185,000
32	Xã Sơn Hạ	655,000
33	Xã Sơn Hà	2.020,000

TT	Địa phương	Số tiền
34	Xã Sơn Linh	500,000
35	Xã Sơn Thủy	1.000,040
36	Xã Sơn Kỳ	1.272,334
37	Xã Sơn Tây	1.756,000
38	Xã Sơn Tây Hạ	815,713
39	Xã Minh Long	694,701
40	Xã Sơn Mai	416,664
41	Xã Ba Vì	706,000
42	Xã Ba Tô	120,000
43	Xã Ba Dinh	365,000
44	Xã Ba Tơ	331,000
45	Xã Ba Vinh	870,000
46	Xã Ba Động	522,000
47	Xã Đặng Thùy Trâm	390,372
48	Xã Ba Xa	265,000
49	Phường Kon Tum	2.008,481
50	Phường Đăk Cấm	200,000
51	Phường Đăk Bla	406,000
52	Xã Ia Chim	106,600
53	Xã Đăk Mar	367,024
54	Xã Ngọk Réo	262,296
55	Xã Đăk Hà	667,000
56	Xã Đăk Tô	485,000
57	Xã Đăk Sao	1.055,006
58	Xã Đăk Tờ Kan	42,180
59	Xã Măng Ri	260,000
60	Xã Sa Loong	179,262
61	Xã Dục Nông	2.316,797
62	Xã Xốp	393,708
63	Xã Ngọc Linh	169,902
64	Xã Đăk Plô	438,000
65	Xã Đăk Pék	648,800
66	Xã Đăk Môn	808,884
67	Xã Đăk Long	348,784
68	Xã Đăk Kôi	496,200
69	Xã Đăk Rve	298,524
70	Xã Măng Đen	142,000
71	Xã Kon Plông	263,000